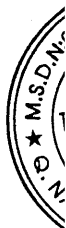




**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN  
NÔNG THÔN VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024



**Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam**  
**Thông tin về Ngân hàng**

**Giấy phép Thành lập  
và Hoạt động Ngân  
hàng thương mại số**

24/GP-NHNN

ngày 26 tháng 5 năm 2021

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp thay thế cho Quyết định Thành lập số 280/QĐ-NH5 ngày 15 tháng 10 năm 1996. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm từ ngày 15 tháng 10 năm 1996.

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0100686174

ngày 26 tháng 4 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Ngân hàng do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 11 tháng 1 năm 2024.

**Hội đồng Thành viên**

Ông Phạm Đức Ân  
Ông Phạm Toàn Vượng  
Ông Nguyễn Minh Trí  
Bà Nguyễn Tuyết Dương  
Bà Nguyễn Thị Thảo  
Ông Trần Văn Dũng  
Ông Nguyễn Minh Phương  
Ông Lê Xuân Trung  
Bà Từ Thị Kim Thanh  
Ông Phạm Đức Tuấn

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Trần Trọng Dưỡng  
Ông Bùi Hồng Quảng  
Ông Hoàng Văn Thắng  
Ông Nguyễn Xuân Hùng

Trưởng Ban Kiểm soát  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc  
và Kế toán trưởng**

Ông Phạm Toàn Vượng  
Bà Nguyễn Thị Phụng  
Ông Tô Đình Tôn  
Ông Trần Văn Dự  
Ông Nguyễn Quang Hùng  
Ông Hoàng Minh Ngọc  
Ông Lê Hồng Phúc  
Bà Phùng Thị Bình  
Ông Đoàn Ngọc Lưu  
Ông Phùng Văn Hưng Quang

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình  
Thành phố Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam *uana*

COI  
CHN  
K  
TUT



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt giữa niên độ đính kèm, được lập ngày 30 tháng 7 năm 2024, bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Ngân hàng") đã được soát xét. Chúng tôi đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) giữa niên độ trong báo cáo soát xét phát hành ngày 31 tháng 7 năm 2024.

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt giữa niên độ không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính riêng tóm tắt giữa niên độ không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) giữa niên độ của Ngân hàng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tóm tắt giữa niên độ theo các nguyên tắc về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng tóm tắt giữa niên độ dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 810 – "*Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt*" có thể áp dụng đối với dịch vụ soát xét thông tin tài chính.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng tóm tắt giữa niên độ được trích từ báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã được soát xét đã không phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) giữa niên độ đã được soát xét, phù hợp với các nguyên tắc về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-02-00175-24-12



Đàm Xuân Lâm

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0861-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 31-07-2024

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3065-2024-007-1

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG  
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

	30/6/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
<b>A TÀI SẢN</b>		
<b>I Tiền mặt và vàng</b>	<b>15.744.157</b>	<b>15.207.536</b>
<b>II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”)</b>	<b>18.864.298</b>	<b>22.882.727</b>
<b>III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác</b>	<b>238.631.527</b>	<b>282.749.535</b>
1 Tiền gửi tại các TCTD khác	238.352.424	281.857.060
2 Cho vay các TCTD khác	298.164	912.536
3 Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(19.061)	(20.061)
<b>IV Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1 Chứng khoán kinh doanh	291	291
2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(291)	(291)
<b>V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>2.886.027</b>	<b>-</b>
<b>VI Cho vay khách hàng</b>	<b>1.556.938.838</b>	<b>1.512.759.439</b>
1 Cho vay khách hàng	1.590.404.448	1.550.247.301
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(33.465.610)	(37.487.862)
<b>VIII Chứng khoán đầu tư</b>	<b>211.675.454</b>	<b>173.863.083</b>
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	136.656.109	97.295.126
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	75.115.459	76.613.166
3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(96.114)	(45.209)
<b>IX Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>1.791.805</b>	<b>1.791.805</b>
1 Đầu tư vào công ty con	2.231.508	2.231.508
4 Góp vốn, đầu tư dài hạn khác	26.800	26.800
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(466.503)	(466.503)

*uans*

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam  
Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024  
(tiếp theo)

		30/6/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
<b>X</b>	<b>Tài sản cố định (“TSCĐ”)</b>	<b>10.040.064</b>	<b>10.817.780</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	7.902.093	8.629.535
a	Nguyên giá	24.127.979	24.093.164
b	Hao mòn TSCĐ	(16.225.886)	(15.463.629)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	446	544
a	Nguyên giá	19.247	19.247
b	Hao mòn TSCĐ	(18.801)	(18.703)
3	Tài sản cố định vô hình	2.137.525	2.187.701
a	Nguyên giá	3.781.445	3.778.580
b	Hao mòn TSCĐ	(1.643.920)	(1.590.879)
<b>XII</b>	<b>Tài sản Có khác</b>	<b>22.185.446</b>	<b>22.904.277</b>
1	Các khoản phải thu	7.636.233	7.623.141
2	Các khoản lãi, phí phải thu	14.201.647	13.588.694
4	Tài sản Có khác	1.643.760	2.988.636
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(1.296.194)	(1.296.194)
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>2.078.757.616</b>	<b>2.042.976.182</b>

*Uang*

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam  
Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024  
(tiếp theo)

		30/6/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
<b>B</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		
<b>I</b>	<b>Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN</b>	<b>1.397.608</b>	<b>1.276.596</b>
1	Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNNVN	1.397.608	1.276.596
<b>II</b>	<b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>13.254.406</b>	<b>2.309.246</b>
1	Tiền gửi của các TCTD khác	13.174.158	2.194.218
2	Vay các TCTD khác	80.248	115.028
<b>III</b>	<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>1.837.594.016</b>	<b>1.820.846.003</b>
<b>IV</b>	<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>	-	<b>1.628.985</b>
<b>V</b>	<b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>	<b>3.203.690</b>	<b>3.736.982</b>
<b>VI</b>	<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>69.397.085</b>	<b>60.564.186</b>
<b>VII</b>	<b>Các khoản nợ khác</b>	<b>39.400.755</b>	<b>54.683.286</b>
1	Các khoản lãi, phí phải trả	29.701.713	39.868.746
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả	5.816	1.866
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	9.693.226	14.812.674
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.964.247.560</b>	<b>1.945.045.284</b>
	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
<b>VII</b>	<b>Vốn và các quỹ</b>	<b>114.510.056</b>	<b>97.930.898</b>
1	Vốn	51.821.067	41.474.067
a	Vốn điều lệ	51.615.833	41.268.833
g	Vốn khác	205.234	205.234
2	Các quỹ của TCTD	42.401.433	42.401.433
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	30.755	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối	20.256.801	14.055.398
	<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>114.510.056</b>	<b>97.930.898</b>
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>2.078.757.616</b>	<b>2.042.976.182</b>

Mẫu số: 18-CT/2015

*Ung*

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam  
Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024  
(tiếp theo)

30/6/2024  
Triệu VND

31/12/2023  
Triệu VND

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1	Bảo lãnh vay vốn	33.774	30.506
2	Cam kết giao dịch hối đoái	419.471.682	257.037.937
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	76.119	337.214
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	366.161	306.441
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>	419.029.402	256.394.282
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	3.935.878	3.466.651
5	Bảo lãnh khác	22.228.650	23.350.054
6	Cam kết khác	179.684	772.280
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	20.296.725	19.917.190
8	Nợ khó đòi đã xử lý	222.142.527	203.187.692
9	Tài sản và chứng từ khác	1.871.306	1.797.793

*claw*

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

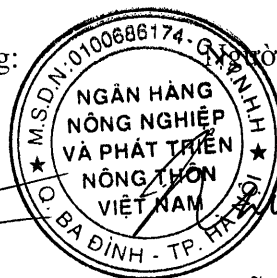
Người lập:

Kế toán trưởng:

Người phê duyệt:

*[Signature]*

*[Signature]*



*[Signature]*

Nguyễn Văn Chất  
Trưởng ban  
Ban Tài chính - Kế toán

Phùng Văn Hưng Quang  
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Hùng  
Phó Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	69.456.560	77.853.102
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(38.822.436)	(48.354.881)
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>30.634.124</b>	<b>29.498.221</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.575.614	3.387.078
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(1.421.873)	(1.458.925)
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>2.153.741</b>	<b>1.928.153</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối</b>	<b>2.028.855</b>	<b>1.269.797</b>
<b>V</b>	<b>Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>(50.905)</b>	<b>-</b>
5	Thu nhập từ hoạt động khác	3.778.987	2.848.845
6	Chi phí hoạt động khác	(668.634)	(303.016)
<b>VI</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>3.110.353</b>	<b>2.545.829</b>
<b>VII</b>	<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>1.185</b>	<b>50.235</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi phí hoạt động</b>	<b>(13.810.538)</b>	<b>(13.217.489)</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>24.066.815</b>	<b>22.074.746</b>
<b>X</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>(11.051.221)</b>	<b>(8.873.550)</b>
<b>XI</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>13.015.594</b>	<b>13.201.196</b>
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(2.597.075)	(2.628.772)
8	(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(3.951)	221
<b>XII</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(2.601.026)</b>	<b>(2.628.551)</b>
<b>XIII</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>10.414.568</b>	<b>10.572.645</b>

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

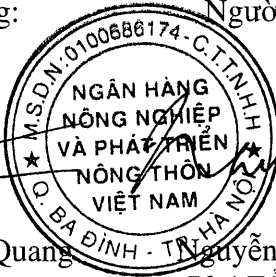
Người lập:

Kế toán trưởng:

Người phê duyệt:

Nguyễn Văn Chắt  
Trưởng ban  
Ban Tài chính - Kế toán

Phùng Văn Hưng Quang  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hùng  
Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG CHO KỲ SÁU THÁNG  
KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	68.843.607	74.411.087
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(48.989.469)	(39.215.406)
03	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	2.153.741	1.928.153
04	Chênh lệch số tiền thực thu, thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng và chứng khoán)	2.028.855	1.269.797
05	Chi hoạt động khác	(544.458)	(187.237)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	3.644.994	2.728.090
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(15.154.290)	(14.980.483)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong kỳ	(4.112.213)	(2.309.473)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động</b>	<b>7.870.767</b>	<b>23.644.528</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
09	Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(2.870.172)	(36.439.215)
10	(Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(37.863.276)	67.948.375
11	(Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(2.886.027)	517.179
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(40.157.147)	(17.730.074)
13	Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất	(15.074.473)	(7.694.840)
14	Giảm khác về tài sản hoạt động	2.766.777	1.148.482
<b>Những thay đổi về nợ hoạt động</b>			
15	Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	121.012	(4.035.091)
16	Tăng/(giảm) tiền gửi và vay từ các TCTD khác	10.945.160	(24.594.547)
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	16.748.013	61.750.814
18	Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	8.832.899	(19.449.738)
19	Giảm các nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(533.292)	(238.849)
20	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(1.628.985)	-
21	Giảm khác về nợ hoạt động	(2.673.445)	(1.332.592)
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>(56.402.189)</b>	<b>43.494.432</b>

*Ullan*

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam  
Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng  
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024  
(Phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
01 Mua sắm tài sản cố định	(141.083)	(328.615)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	9.817	4.976
09 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	1.185	50.235
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>(130.081)</b>	<b>(273.404)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
01 Tăng vốn điều lệ	10.347.000	23.100
04 Tạm ứng chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước	(4.285.718)	(2.872.732)
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>6.061.282</b>	<b>(2.849.632)</b>
<b>IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>(50.470.988)</b>	<b>40.371.396</b>
<b>V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU KỲ</b>	<b>286.082.843</b>	<b>218.122.650</b>
<b>VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ</b>	<b>235.611.855</b>	<b>258.494.046</b>

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

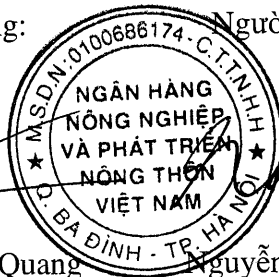
Người lập:

Kế toán trưởng:

Người phê duyệt:









Nguyễn Văn Chất  
Trưởng ban  
Ban Tài chính - Kế toán

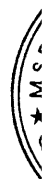
Phùng Văn Hưng Quang  
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Hùng  
Phó Tổng Giám đốc



**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN  
NÔNG THÔN VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024



**Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam**  
**Thông tin về Ngân hàng**

**Giấy phép Thành lập  
và Hoạt động Ngân  
hàng thương mại số**

24/GP-NHNN

ngày 26 tháng 5 năm 2021

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp thay thế cho Quyết định Thành lập số 280/QĐ-NH5 ngày 15 tháng 10 năm 1996. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm từ ngày 15 tháng 10 năm 1996.

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0100686174

ngày 26 tháng 4 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Ngân hàng do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 11 tháng 1 năm 2024.

**Hội đồng Thành viên**

Ông Phạm Đức Ân  
Ông Phạm Toàn Vượng  
Ông Nguyễn Minh Trí  
Bà Nguyễn Tuyết Dương  
Bà Nguyễn Thị Thảo  
Ông Trần Văn Dũng  
Ông Nguyễn Minh Phương  
Ông Lê Xuân Trung  
Bà Từ Thị Kim Thanh  
Ông Phạm Đức Tuấn

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Trần Trọng Dưỡng  
Ông Bùi Hồng Quảng  
Ông Hoàng Văn Thắng  
Ông Nguyễn Xuân Hùng

Trưởng Ban Kiểm soát  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc  
và Kế toán trưởng**


Ông Phạm Toàn Vượng  
Bà Nguyễn Thị Phụng  
Ông Tô Đình Tôn  
Ông Trần Văn Dự  
Ông Nguyễn Quang Hùng  
Ông Hoàng Minh Ngọc  
Ông Lê Hồng Phúc  
Bà Phùng Thị Bình  
Ông Đoàn Ngọc Lưu  
Ông Phùng Văn Hưng Quang

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình  
Thành phố Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam 



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt giữa niên độ đính kèm, được lập ngày 30 tháng 7 năm 2024, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và các công ty con (gọi chung là “Agribank”) đã được soát xét. Chúng tôi đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) giữa niên độ trong báo cáo soát xét phát hành ngày 31 tháng 7 năm 2024.

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt giữa niên độ không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt giữa niên độ không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) giữa niên độ của Agribank.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt giữa niên độ theo các nguyên tắc về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt giữa niên độ dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 810 – “*Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt*” có thể áp dụng đối với dịch vụ soát xét thông tin tài chính.



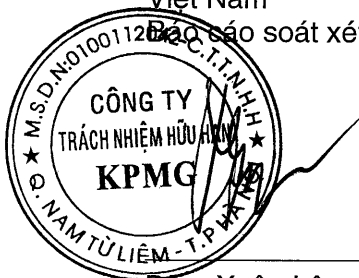
## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt giữa niên độ được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và các công ty con đã được soát xét đã không phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính hợp nhất (đầy đủ) giữa niên độ đã được soát xét, phù hợp với các nguyên tắc về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-02-00175-24-14



Đàm Xuân Lâm

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0861-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 31-07-2024

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3065-2024-007-1

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

		<b>30/6/2024</b> <b>Triệu VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>Triệu VND</b>
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>		
<b>I</b>	<b>Tiền mặt và vàng</b>	<b>15.754.108</b>	<b>15.214.944</b>
<b>II</b>	<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”)</b>	<b>18.864.298</b>	<b>22.882.727</b>
<b>III</b>	<b>Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác</b>	<b>239.652.632</b>	<b>283.335.334</b>
1	Tiền gửi tại các TCTD khác	239.373.529	282.442.859
2	Cho vay các TCTD khác	279.103	892.475
<b>IV</b>	<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>108.504</b>	<b>10.459</b>
1	Chứng khoán kinh doanh	108.795	10.750
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(291)	(291)
<b>V</b>	<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>2.886.027</b>	<b>-</b>
<b>VI</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>	<b>1.558.500.457</b>	<b>1.514.144.670</b>
1	Cho vay khách hàng	1.592.487.580	1.552.157.827
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(33.987.123)	(38.013.157)
<b>VIII</b>	<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>212.212.383</b>	<b>174.322.712</b>
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	137.011.162	97.779.755
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	75.921.335	77.212.166
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(720.114)	(669.209)
<b>IX</b>	<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>26.800</b>	<b>26.800</b>
4	Góp vốn, đầu tư dài hạn khác	33.100	33.100
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(6.300)	(6.300)

*elanh*



Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam  
Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

		30/6/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
<b>X</b>	<b>Tài sản cố định (“TSCĐ”)</b>	<b>10.593.998</b>	<b>11.265.565</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	8.169.184	8.785.207
a	Nguyên giá	24.740.582	24.583.980
b	Hao mòn TSCĐ	(16.571.398)	(15.798.773)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	446	544
a	Nguyên giá	19.247	19.247
b	Hao mòn TSCĐ	(18.801)	(18.703)
3	Tài sản cố định vô hình	2.424.368	2.479.814
a	Nguyên giá	4.161.382	4.158.402
b	Hao mòn TSCĐ	(1.737.014)	(1.678.588)
<b>XII</b>	<b>Tài sản Có khác</b>	<b>23.004.436</b>	<b>23.724.164</b>
1	Các khoản phải thu	8.277.314	8.293.242
2	Các khoản lãi, phí phải thu	14.334.253	13.674.966
3	Tài sản thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	2.386	2.118
4	Tài sản Có khác	2.144.091	3.510.221
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(1.753.608)	(1.756.383)
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>2.081.603.643</b>	<b>2.044.927.375</b>

*leap*

/// N.H.///  
2/2024

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam  
Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

		30/6/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
<b>B</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		
<b>I</b>	<b>Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN</b>	<b>1.397.608</b>	<b>1.276.596</b>
1	Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNNVN	1.397.608	1.276.596
<b>II</b>	<b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>14.233.634</b>	<b>2.743.201</b>
1	Tiền gửi của các TCTD khác	13.168.886	2.189.173
2	Vay các TCTD khác	1.064.748	554.028
<b>III</b>	<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>1.834.166.306</b>	<b>1.817.271.030</b>
<b>IV</b>	<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>	<b>-</b>	<b>1.628.985</b>
<b>V</b>	<b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>	<b>3.203.690</b>	<b>3.736.982</b>
<b>VI</b>	<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>69.391.887</b>	<b>60.559.038</b>
<b>VII</b>	<b>Các khoản nợ khác</b>	<b>42.136.993</b>	<b>57.175.689</b>
1	Các khoản lãi, phí phải trả	29.695.292	39.837.191
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả	9.629	5.878
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	12.432.072	17.332.620
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.964.530.118</b>	<b>1.944.391.521</b>
	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
<b>VII</b>	<b>Vốn và các quỹ</b>	<b>117.073.525</b>	<b>100.535.854</b>
1	Vốn	52.193.893	41.846.893
a	Vốn điều lệ	51.615.833	41.268.833
g	Vốn khác	578.060	578.060
2	Các quỹ của TCTD	42.878.978	42.872.071
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	30.755	-
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	223.104	223.104
5	Lợi nhuận chưa phân phối	20.385.366	14.246.038
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	1.361.429	1.347.748
	<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>117.073.525</b>	<b>100.535.854</b>
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>2.081.603.643</b>	<b>2.044.927.375</b>

*Uang*

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam  
Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

30/6/2024  
Triệu VND

31/12/2023  
Triệu VND

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

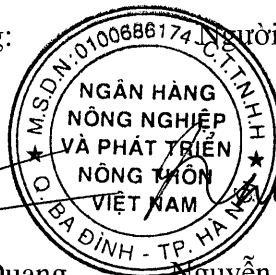
1	Bảo lãnh vay vốn	33.774	30.506
2	Cam kết giao dịch hối đoái	419.471.682	257.037.937
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	76.119	337.214
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	366.161	306.441
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>	419.029.402	256.394.282
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	3.935.878	3.466.651
5	Bảo lãnh khác	22.226.058	23.347.792
6	Cam kết khác	179.684	772.280
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	20.091.764	19.713.107
8	Nợ khó đòi đã xử lý	224.204.236	205.217.790
9	Tài sản và chứng từ khác	4.430.666	5.946.244

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

Người lập:

Kế toán trưởng:

Người phê duyệt:



Nguyễn Văn Chắt  
Trưởng ban  
Ban Tài chính - Kế toán

Phùng Văn Hưng Quang  
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Hùng  
Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT**  
**CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	69.586.228	77.956.457
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(38.754.727)	(48.260.326)
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>30.831.501</b>	<b>29.696.131</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	5.027.418	4.785.704
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(2.252.291)	(2.328.666)
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>2.775.127</b>	<b>2.457.038</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối</b>	<b>2.029.087</b>	<b>1.269.828</b>
<b>IV</b>	<b>(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>(4.540)</b>	<b>4.133</b>
<b>V</b>	<b>(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>(50.905)</b>	<b>1.747</b>
5	Thu nhập từ hoạt động khác	3.781.096	2.852.963
6	Chi phí hoạt động khác	(669.393)	(303.552)
<b>VI</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>3.111.703</b>	<b>2.549.411</b>
<b>VII</b>	<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>1.102</b>	<b>50.239</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi phí hoạt động</b>	<b>(14.375.405)</b>	<b>(13.686.409)</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>24.317.670</b>	<b>22.342.118</b>
<b>X</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>(11.048.439)</b>	<b>(8.844.425)</b>
<b>XI</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>13.269.231</b>	<b>13.497.693</b>
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(2.650.990)	(2.690.103)
8		(3.483)	1.179
<b>XII</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(2.654.473)</b>	<b>(2.688.924)</b>
<b>XIII</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế (mang sang trang sau)</b>	<b>10.614.758</b>	<b>10.808.769</b>

*Uelne*

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam  
Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tóm tắt  
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024  
(tiếp theo)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 Triệu VND
<b>XIII Lợi nhuận sau thuế (mang sang từ trang trước)</b>	<b>10.614.758</b>	<b>10.808.769</b>
<b>XIV Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>85.222</b>	<b>96.428</b>
<b>Lợi nhuận thuần trong kỳ</b>	<b>10.529.536</b>	<b>10.712.341</b>

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

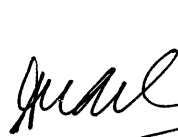
Người lập:

Kế toán trưởng:

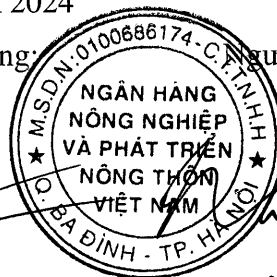
Người phê duyệt:



Nguyễn Văn Chắt  
Trưởng ban  
Ban Tài chính - Kế toán



Phùng Văn Hưng Quang  
Kế toán trưởng




Nguyễn Quang Hùng  
Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO KỲ SÁU THÁNG  
KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	68.926.941	74.499.250
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(48.896.626)	(39.144.051)
03	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	2.775.127	2.457.038
04	Chênh lệch số tiền thực thu, thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng và chứng khoán)	2.024.547	1.259.812
05	Chi hoạt động khác	(543.291)	(180.125)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	3.644.994	2.728.090
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(15.709.924)	(15.433.203)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong kỳ	(4.157.886)	(2.360.502)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động</b>	<b>8.063.882</b>	<b>23.826.309</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
09	Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(3.586.173)	(36.596.215)
10	(Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(38.038.621)	67.684.845
11	(Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(2.886.027)	517.179
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(40.329.753)	(18.065.764)
13	Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất	(15.074.473)	(7.694.840)
14	Giảm khác về tài sản hoạt động	2.803.922	1.002.914
<b>Những thay đổi về nợ hoạt động</b>			
15	Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	121.012	(4.035.091)
16	Tăng/(giảm) tiền gửi và vay từ các TCTD khác	11.490.433	(24.421.687)
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	16.895.276	62.225.373
18	Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	8.832.849	(19.454.886)
19	Giảm các nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(533.292)	(238.849)
20	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(1.628.985)	-
21	Giảm khác về nợ hoạt động	(2.804.034)	(1.267.563)
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>(56.673.984)</b>	<b>43.481.725</b>

*Ulane*

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam  
Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất  
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024  
(Phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
01 Mua sắm tài sản cố định	(146.540)	(346.443)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	10.000	1.446
09 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	1.102	50.239
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>(135.438)</b>	<b>(294.758)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
01 Tăng vốn điều lệ	10.347.000	57.013
04 Tạm ứng chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước	(4.285.718)	(2.872.732)
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>6.061.282</b>	<b>(2.815.719)</b>
<b>IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>(50.748.140)</b>	<b>40.371.248</b>
<b>V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU KỲ</b>	<b>286.421.050</b>	<b>218.132.483</b>
<b>VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ</b>	<b>235.672.910</b>	<b>258.503.731</b>

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

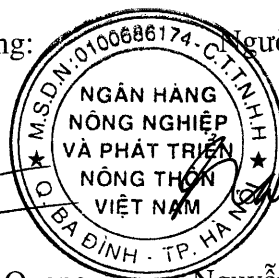
Người lập:

Nguyễn Văn Chắt  
Trưởng ban  
Ban Tài chính - Kế toán

Kế toán trưởng:

Phùng Văn Hưng Quang  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Nguyễn Quang Hùng  
Phó Tổng Giám đốc